

Giáo dục và Phát triển

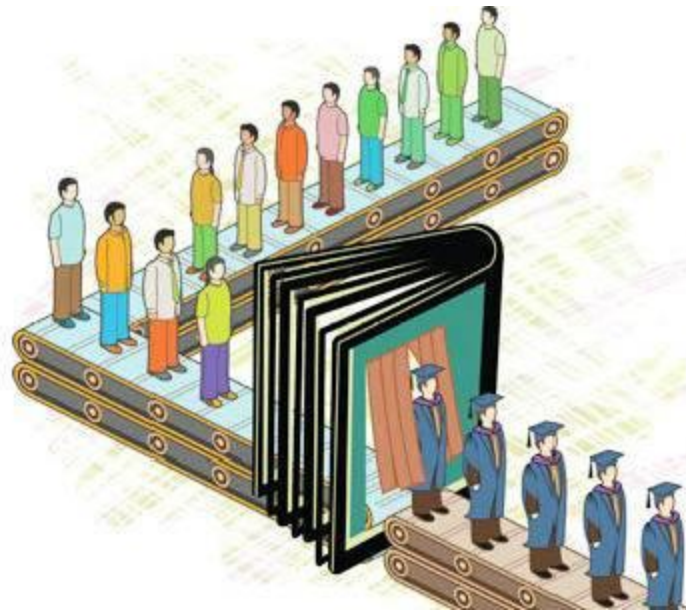
Niềm tin

1. *Nhiều thì tốt hơn?*
2. *Có phải trường học ở các nước đang phát triển không phát huy hiệu quả vì không đủ chi tiêu cho giáo dục?*



Nội dung

1. Giáo dục và vai trò của giáo dục
2. Giáo dục và phát triển
3. Tỷ lệ ghi danh có đo lường hết vốn con người?
4. Tại sao tăng trưởng vốn con người không đi kèm tăng trưởng kinh tế ở cấp độ vĩ mô?



Giáo dục và vai trò giáo dục

- Giáo dục: *Kiến thức* hay *kỹ năng* được phát triển thông qua quá trình học hành hay kinh nghiệm.
- Tăng trưởng phụ thuộc *tăng năng suất*, trong đó kiến thức và kỹ năng có vai trò quyết định.
- Mở ra *cơ hội kinh tế*, liên quan *giảm nghèo*.



Giáo dục và phát triển

- Giáo dục đóng vai trò tích cực cho tăng trưởng và phát triển thông qua cải thiện *vốn con người* (khó đo chính xác sự đóng góp này).
- Tăng trưởng/Phát triển giúp người dân đạt được trình độ giáo dục cao hơn.
- *Số lượng* và *chất lượng* giáo dục đều quan trọng.
- Cải thiện giáo dục - *ngoại tác* góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.



NHTG: Tại sao chúng ta quan tâm giáo dục?

- Nhiều trẻ em không được đến trường do phải làm việc phụ giúp gia đình.
 - Bé gái chiếm hơn nửa (53%)
 - Hơn 70% trẻ em không được đến trường sống ở châu Phi hạ-Sahara và Nam Á.
- Trong số đến trường, nhiều trẻ bỏ học nửa chừng trước khi biết đọc, viết và tính toán cơ bản.
 - 800 tr người lớn trên thế giới mù chữ, phụ nữ chiếm 2/3.
- Tỷ lệ ghi danh học đại học ở nước đang phát triển <20% so 67% ở nước phát triển (2006).
 - Bắc Mỹ và Tây Âu chi tiêu trung bình 5.500 USD mỗi sinh viên hằng năm trong khi châu Phi hạ Sahara là 167 USD.
- Suy dinh dưỡng trẻ em tác động đến 1/3 trẻ dưới 5 tuổi và hạn chế khả năng học tập của trẻ.

OECD 2012

- *Thất bại ở trường học trừng phạt một đứa trẻ suốt đời.*
Một học sinh rời trường mà không hoàn thành thành công bậc học trung học cơ sở hay không có kỹ năng tương ứng sẽ có ít triển vọng tương lai (thu nhập thấp, khó thích ứng với nền kinh tế tri thức thay đổi nhanh chóng, rủi ro thất nghiệp cao, không khả năng tham gia đầy đủ vào cuộc sống và xã hội hiện đại).
- *Thất bại của giáo dục áp chi phí cao lên xã hội.* Người dân có trình độ giáo dục thấp hạn chế năng lực sản xuất và sự sáng tạo của nền kinh tế.
- *Thất bại trường học đi kèm chi phí cao ngân sách công* – chi tiêu sức khỏe công đồng, hỗ trợ xã hội, tội phạm...

Equity and Quality in Education

“Investment in *Human Capital*,” *American Economic Review*, 1961.

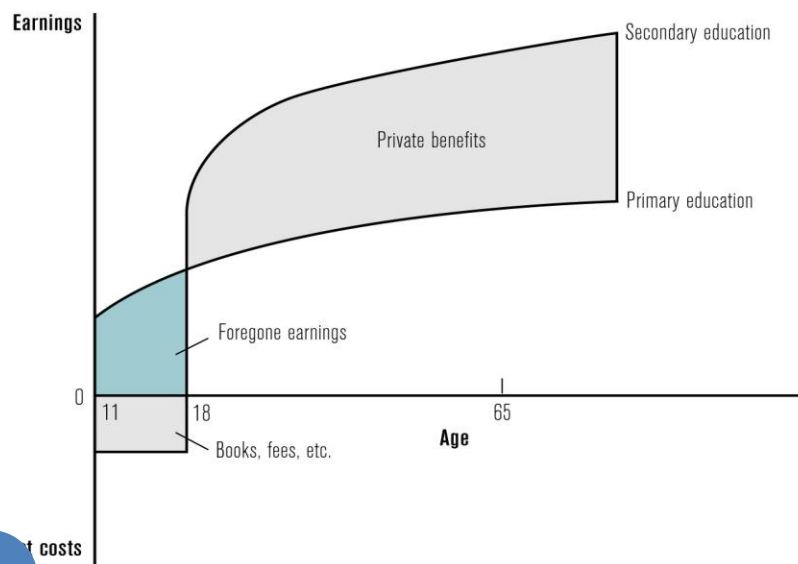
- Kiến thức và kỹ năng: tài sản có suất sinh lợi cũng như vốn.
- Mở đường cho lý thuyết tăng trưởng mới.



Theodore W. Schultz

Suất sinh lợi từ giáo dục

Tư nhân



Xã hội

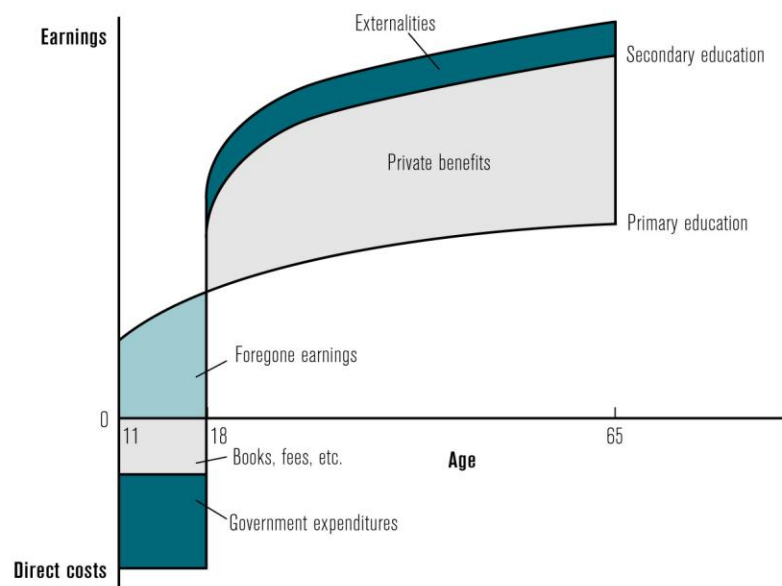


FIGURE 8.6 Determinants of the Social Returns to Schooling

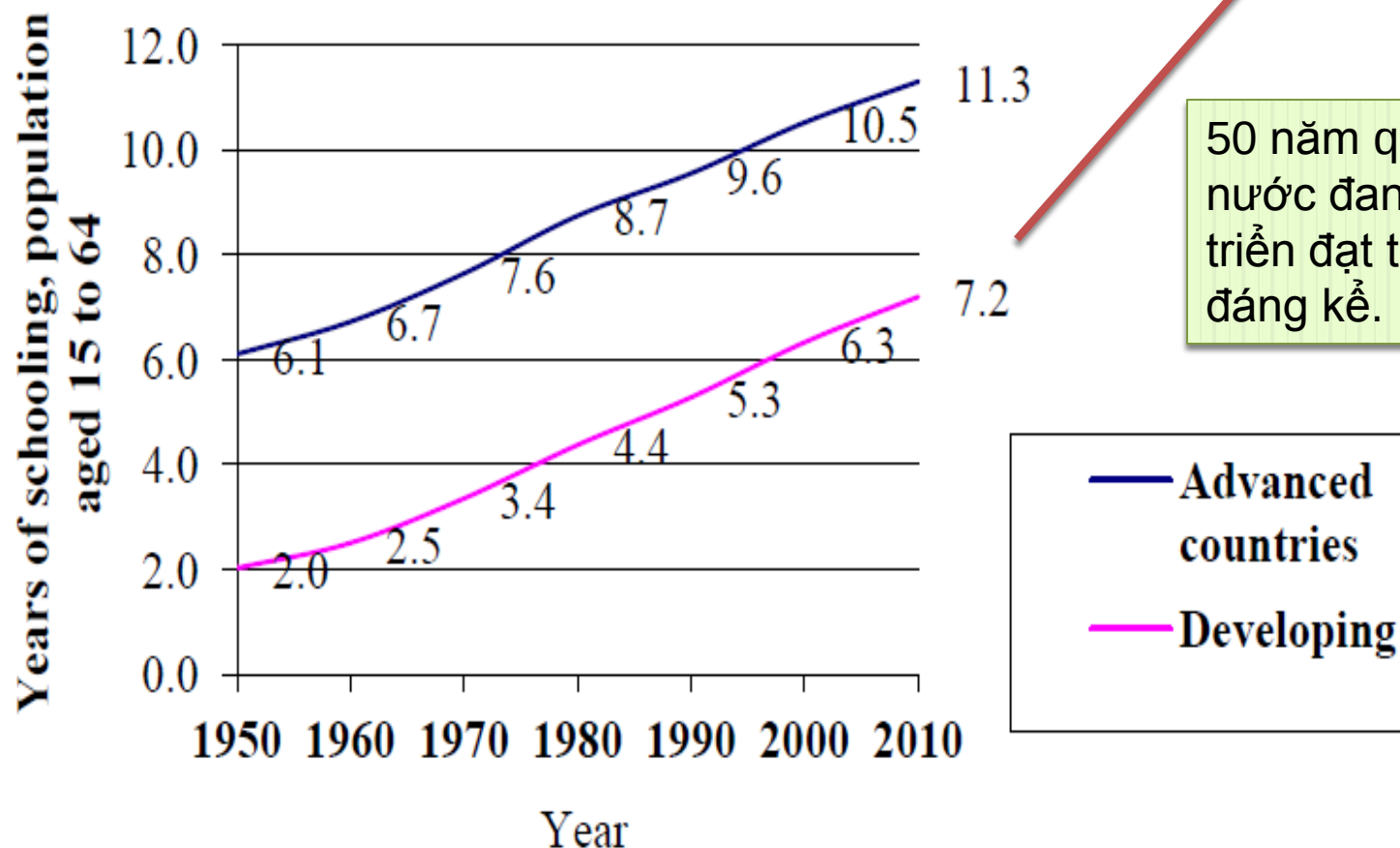
Giáo dục và chính sách phát triển

- Giáo dục mở ra cơ hội kinh tế, liên quan giảm nghèo.
 - Nhưng không phải lúc nào cũng tạo ra cơ hội.
 - Nhiều người có trình độ vẫn thất nghiệp hoặc làm công việc không liên quan kiến thức/năng lực. Tại sao?
- Lợi ích giáo dục chỉ phát huy khi thực hiện đúng các phần khác trong chính sách phát triển.
- Chính sách học phí ở nhiều nước:
 - Miễn phí giáo dục tiểu học (và có thể trung học) vì cả quốc gia hưởng lợi (công dân biết đọc, viết và tham gia đầy đủ vào đời sống xã hội).
 - Đại học có thu phí vì lợi ích nghiêng về cá nhân nhiều hơn và thu nhập cao hơn.
- Tạo *cơ hội tiếp cận* giáo dục (đo bằng *tỷ lệ ghi danh*).

Tiếp cận giáo dục: Tỷ lệ ghi danh

- 50 năm qua, nước đang phát triển đạt tiến bộ đáng kể.
- **Tỷ lệ ghi danh gộp** [số học sinh ở cấp học tương ứng (tiểu học, trung học, hay đại học) chia cho số trẻ trong độ tuổi phù hợp].
 - Tiểu học: tuổi phù hợp 6-10.
 - Tỷ lệ ghi danh gộp có thể hơn 100% vì trẻ < 6 tuổi có thể đăng ký lớp một, và trẻ >10 tuổi có thể đăng ký vào tiểu học.
- **Tỷ lệ ghi danh ròng** chỉ xét trẻ đang học ở trường với độ tuổi phù hợp, nên không thể hơn 100%.

Figure 1.1: Levels of schooling in the developing world more than tripled from 1950 to 2010—from 2.0 years to 7.2 years



50 năm qua,
nước đang phát
triển đạt tiến bộ
đáng kể.

Source: Barro and Lee (2011), table 3.

Table 8.1 Changes in Schooling, Gross Enrollment Rates by Region, 1975-2005

REGION	PRIMARY		SECONDARY		TERTIARY	
	1975	2005	1975	2005	1975	2005
East Asia and the Pacific	112.8	111.4	36.5	72.5	2.5	20.1
Europe and central Asia	96.9	96.9	84.7	87.9	32.9	54.7
Latin America and the Caribbean	109.1	117.7	38.3	89.7	13.1	29.6
Middle East and North Africa	81.5	106.3	31.2	75.6	10.5	26.1
South Asia	76.7	109.7	26.5	49.5	4.5	10.4
Sub-Saharan Africa	58.8	92.0	11.3	31.8	1.2	5.3
High-income economies	98.4	99.8	78.6	97.7	34.3	62.3

Source: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (UNESCO)

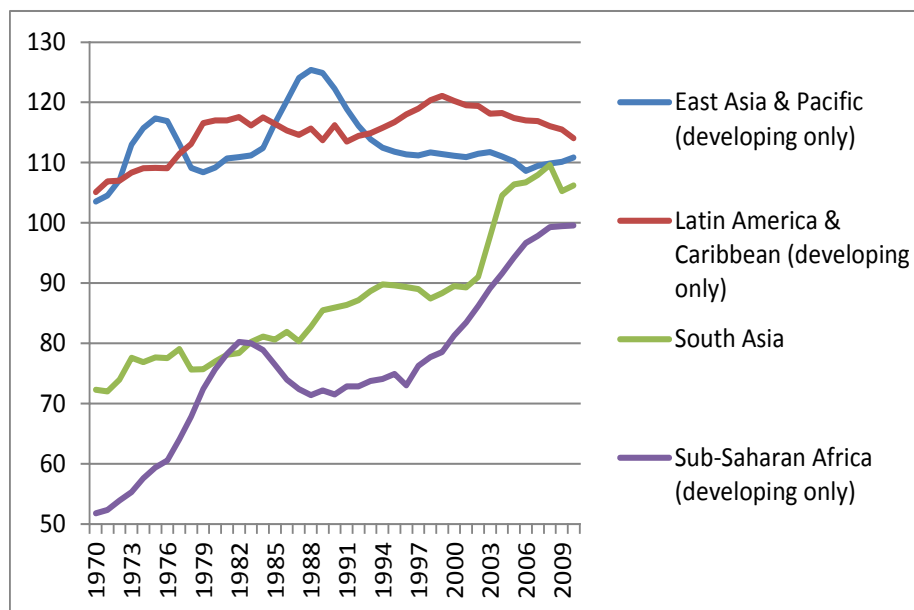
Nguồn: Perkins và các tác giả (2013)

Giáo dục tiểu học

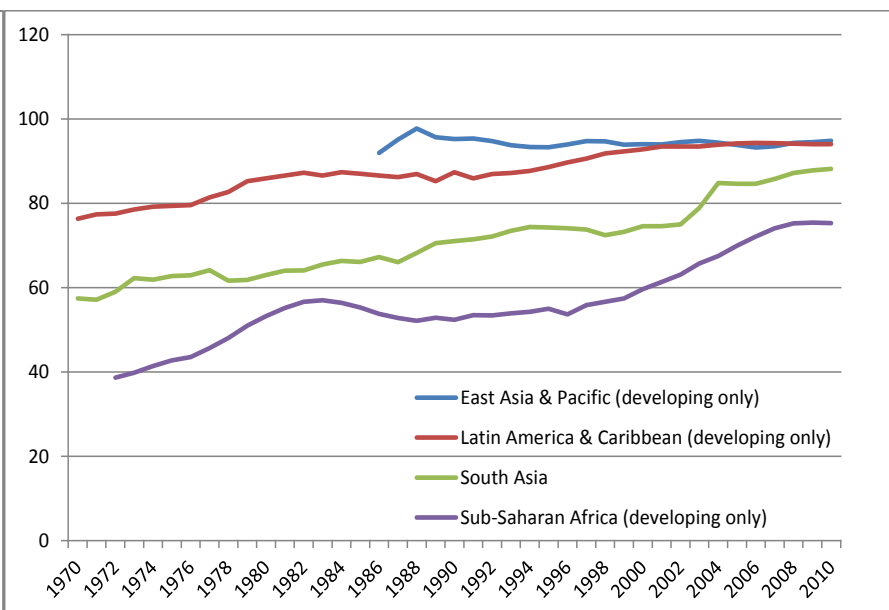
- Vai trò giáo dục tiểu học?
- *Tỷ lệ ghi danh tiểu học* khác với hoàn tất tiểu học.
 - *Hoàn tất tiểu học* là thước đo tốt hơn (đăng ký nhưng không tiến bộ, do bỏ học, nghỉ nhiều vì đi làm, bệnh tật...).
 - Chỉ báo khác là “*hoàn tất lớp 5*”, hay phần trăm học sinh ghi danh lớp một và thật sự học đến lớp 5.

Tỷ lệ ghi danh tiểu học

Gộp



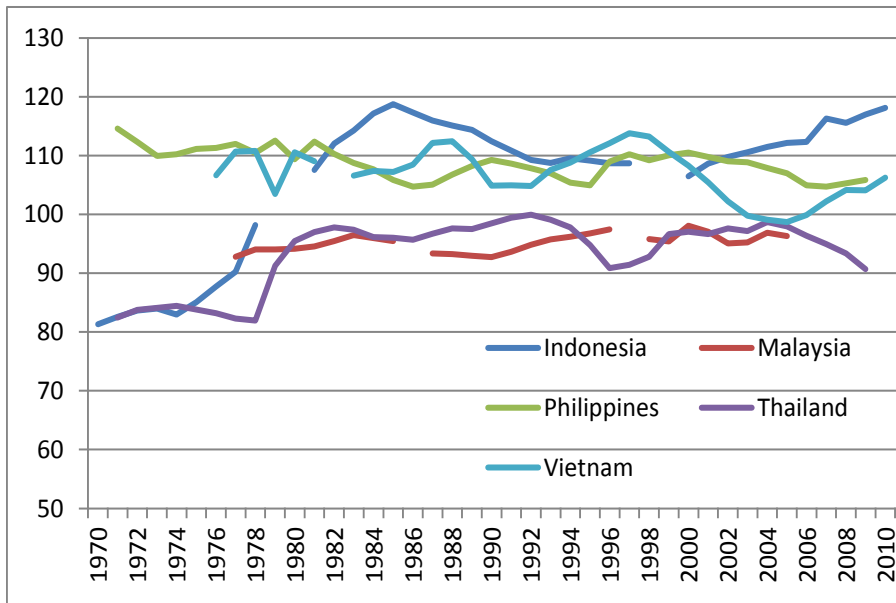
Ròng



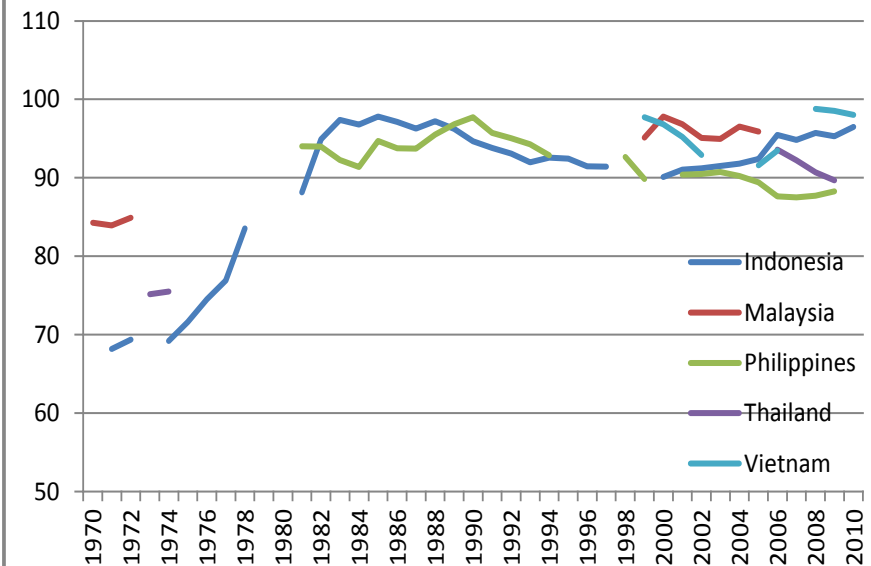
Nam Á và châu Phi cận Sahara đạt bước tiến to lớn 50 năm qua về ghi danh tiểu học. Tất cả các nước và khu vực đều tiến bộ về tỷ lệ ghi danh trẻ gái, rút ngắn khoảng cách giữa trẻ trai và gái mặc dù vẫn còn (trừ Đông Á).

Tỷ lệ ghi danh tiểu học, Đông Nam Á

Gộp



Ròng



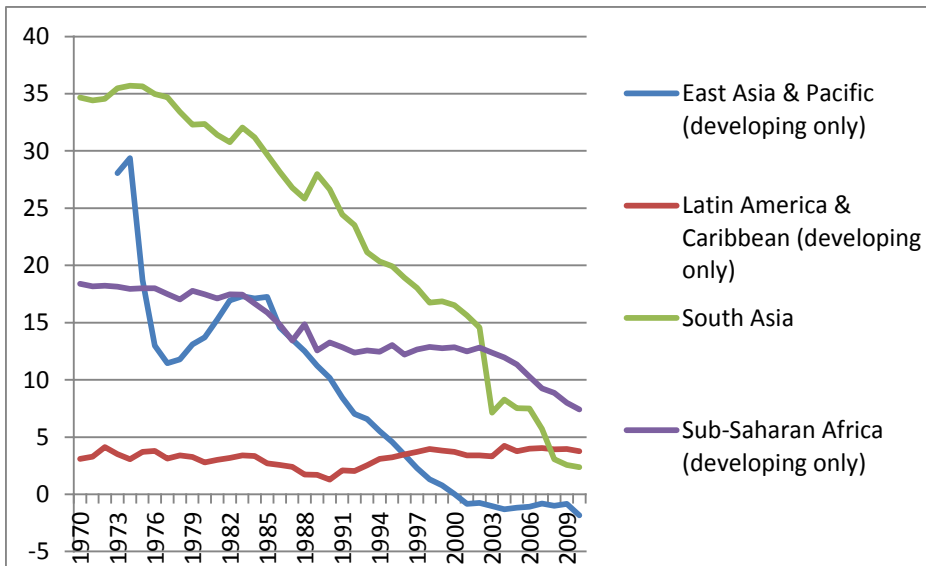
Đông Nam Á, Indonesia và Thái Lan đi sau, nhanh chóng bắt kịp sau 1960s.

Trung học cơ sở

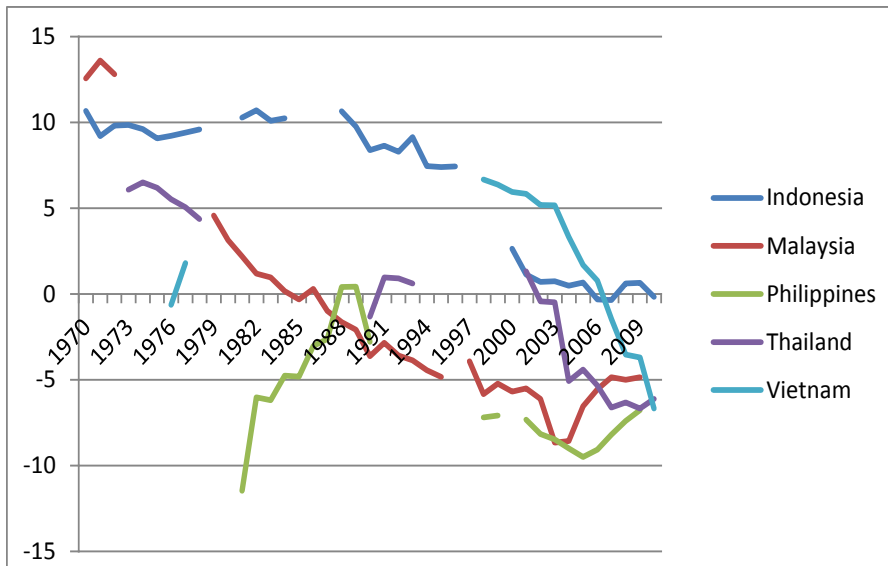
- Nước thu nhập cao, đã phổ cập giáo dục trung học.
- Đông Á, Thái Bình Dương, châu Mỹ Latinh và vùng Caribe đã lấp đầy khoảng trống ghi danh giữa nam và nữ ở trung học cơ sở.
- Nam Á cũng có tiến bộ.
- Nhưng châu Phi cận Sahara mất sự tiến bộ đạt được cho đến năm 2000.
- Tất cả các nước lớn ở ĐNA đều loại bỏ khoảng cách giới ở bậc trung học cơ sở, kể cả Indonesia.
- Giáo dục tiểu học và trung học cơ sở chủ yếu là công lập, trừ ở Nam Á (Phụ huynh ở Nam Á rời trường công vì cho rằng trường tư giáo dục tốt hơn).

Khác biệt tỷ lệ ghi danh gộp bậc trung học cơ sở giữa trẻ trai và gái

Giữa các vùng



Đông Nam Á

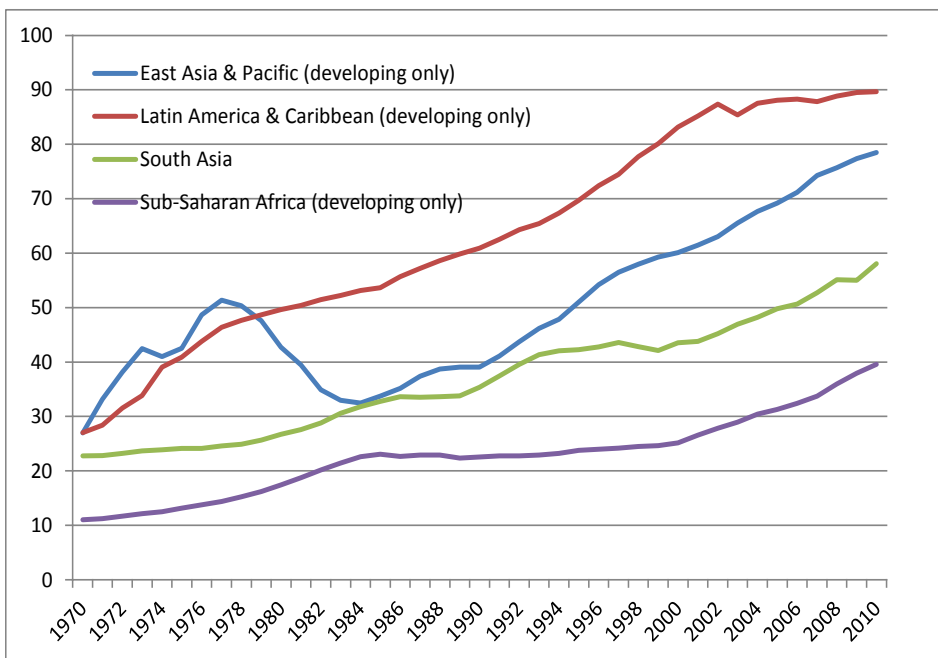


- Đông Á, Thái Bình Dương, châu Mỹ Latinh và vùng Caribe đã lấp đầy khoảng trống ghi danh giữa nam và nữ ở trung học cơ sở.
- Nam Á cũng có tiến bộ.
- Châu Phi cận Sahara mất một số tiến bộ đạt được cho đến năm 2000.

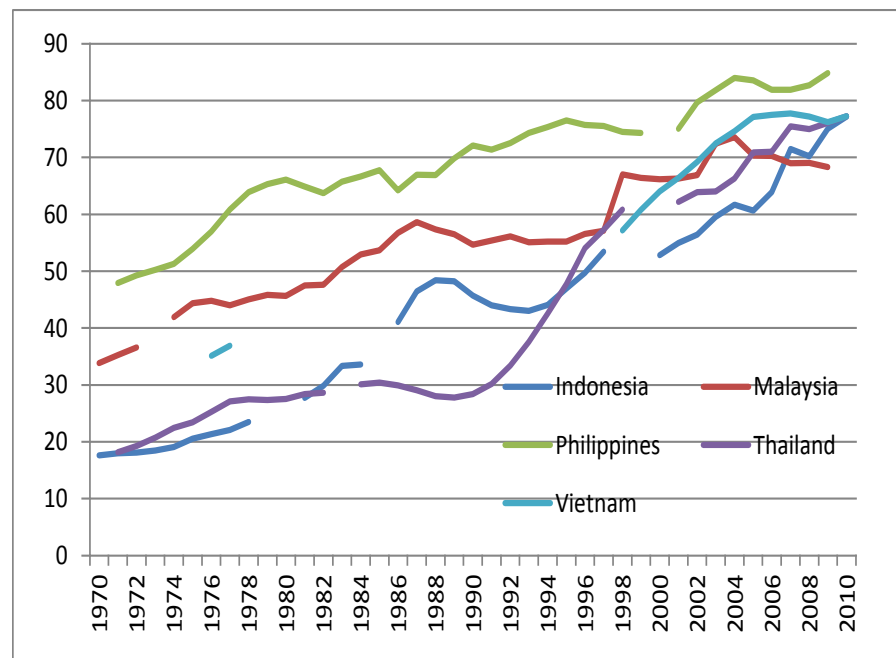
Tất cả các nước lớn ở ĐNA đều loại bỏ khoảng cách giới ở bậc trung học cơ sở, kể cả Indonesia.

Tỷ lệ ghi danh gộp, bậc trung học cơ sở

Giữa các vùng

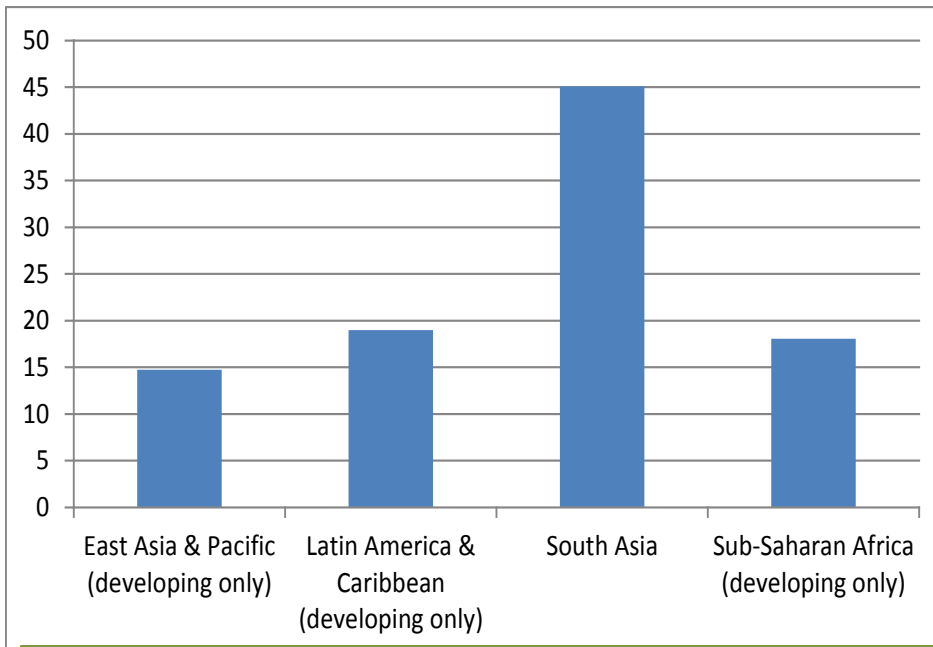


Đông Nam Á

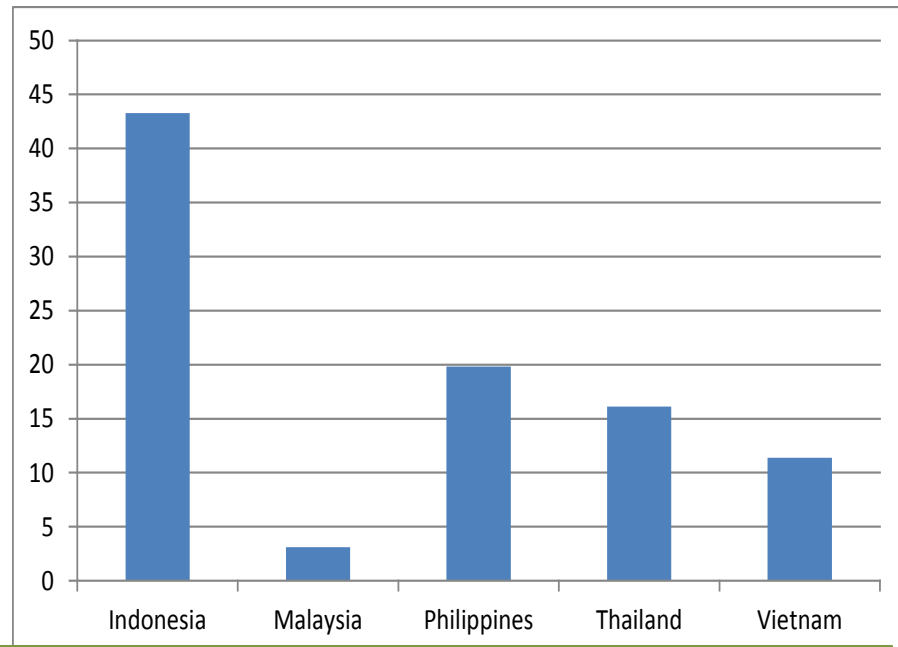


Tỷ lệ học sinh trung học ở trường tư, 2010*

Giữa các vùng

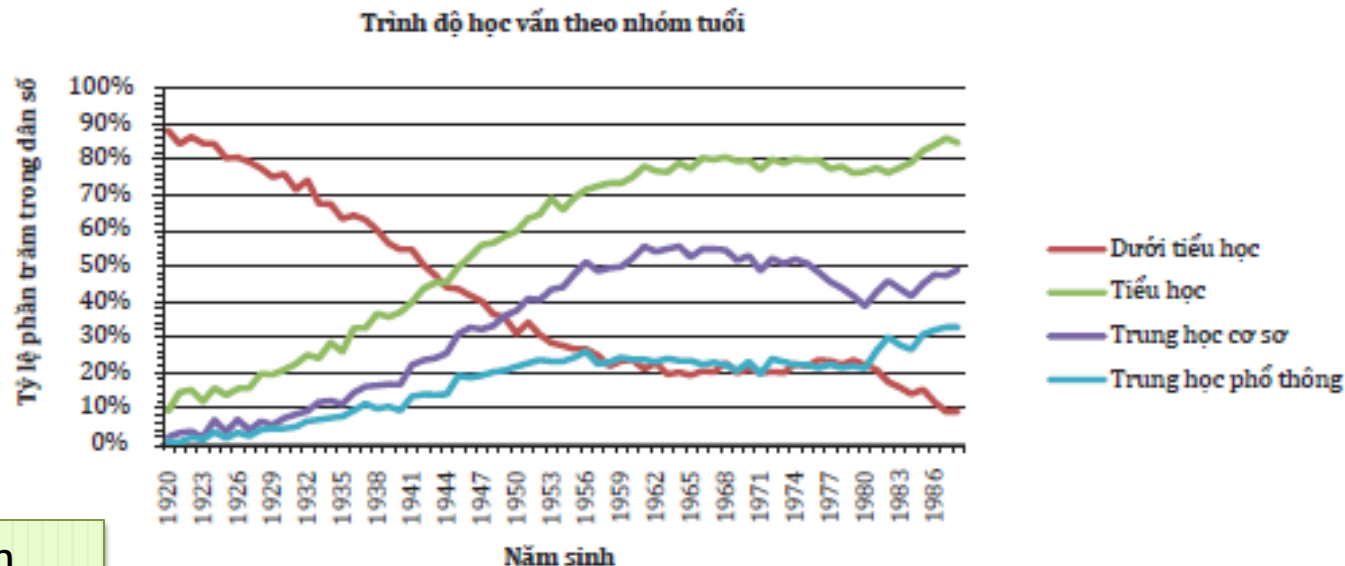


Đông Nam Á

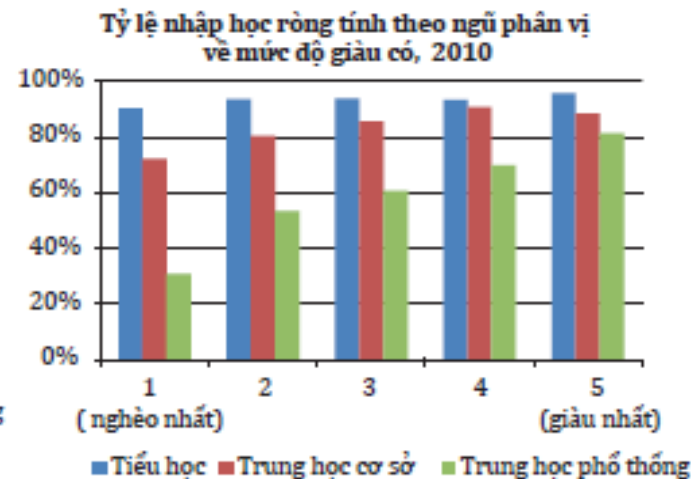
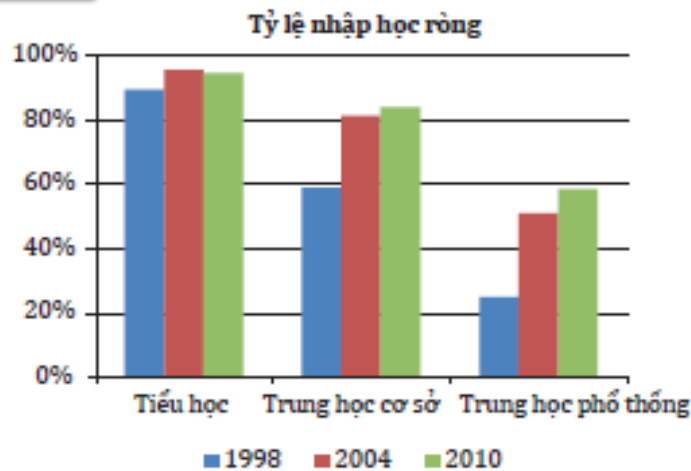


Giáo dục tiểu học và trung học cơ sở chủ yếu là công lập, trừ ở Nam Á (Phụ huynh ở Nam Á rời trường công vì cho rằng trường tư giáo dục tốt hơn).

Hình 2: Dù có tăng trưởng lớn về số lượng nhập học và trình độ học vấn, nhưng bất bình đẳng vẫn tồn tại ở bậc trung học.



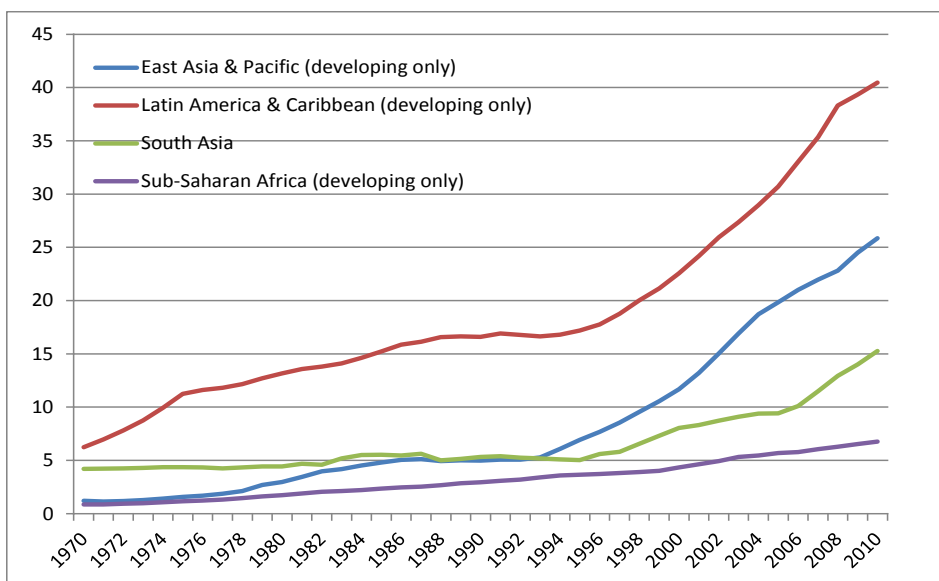
Việt Nam



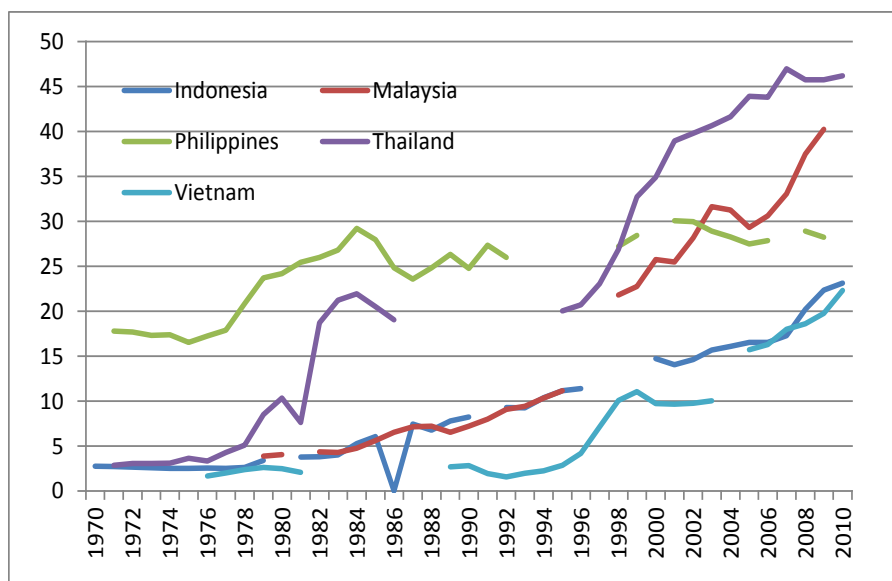
Nguồn: Tính toán của các chuyên gia Ngân hàng Thế giới theo số liệu VLSS 1998, VHLSS 2004, 2006, 2008 và 2010. Với nhóm A, năm sinh được ước tính dựa trên tuổi và năm khảo sát. Chỉ có các cá nhân trên 22 tuổi mới được đưa vào khảo sát để đảm bảo đối tượng khảo sát đã hoàn thành việc học của mình. Mẫu khảo sát có 103.320 người lấy số liệu từ các vòng khảo sát VHLSS lặp lại.

Tỷ lệ ghi danh đại học gộp

Theo vùng



Đông Nam Á



•Chênh lệch lớn giữa các vùng đang phát triển từ 1990.

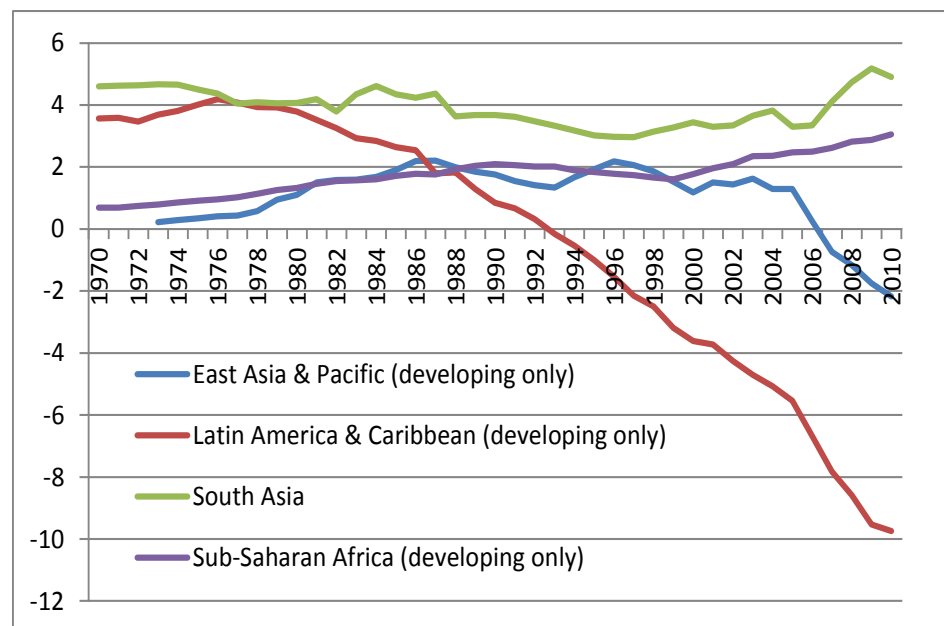
•Đông Á và Mỹ Latinh tiến gần tỷ lệ ghi danh của các nước giàu.

•ĐNA, Philippines đã bị thay thế vai trò đứng đầu khu vực bởi Thái Lan và Malaysia.

•Phát triển giáo dục đại học Thái Lan thông qua mở rộng “chương trình đặc biệt” ở đại học công, chi phí cao hơn chương trình thông thường, tăng nguồn thu và lương giáo viên.

Khoảng cách giới ở đại học

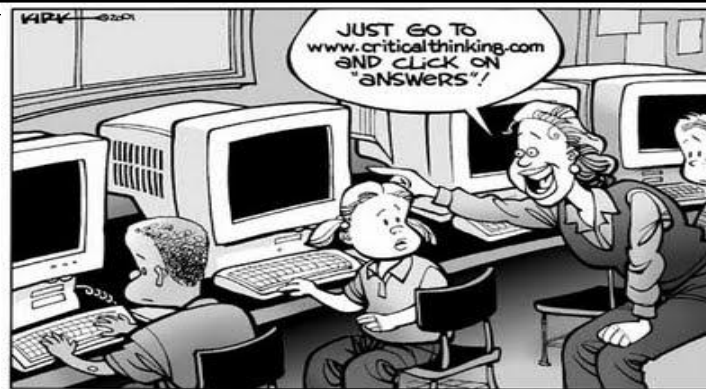
- Khoảng cách giới vẫn tồn tại ở châu Phi cận Sahara và Nam Á, nhưng không còn ở châu Mỹ Latinh và Đông Á.
- Khoảng cách giới ở bậc đại học do:
 - Khoảng cách giới ở các bậc thấp hơn,
 - Cơ hội việc làm đối với nữ,
 - Phụ huynh đầu tư cho nam hơn nữ,
 - Hôn nhân sớm (châu Phi và Nam Á).



Nguồn: Wilkinson and Pickett 2009

Chất lượng giáo dục

- Chất lượng thể hiện qua:
 - Tỷ lệ giáo viên/học sinh
 - Trình độ giáo viên
 - Số năm kinh nghiệm giáo viên
 - Lương giáo viên
 - Chi tiêu trên một học sinh
 - Cơ sở vật chất trường học
 - Chương trình đào tạo
 - ...
- Khó đo chất lượng giáo dục vì dựa trên tiêu chí khác nhau, nhiều tiêu chí mang tính chủ quan.
- Chúng ta sẽ xem thêm các tình huống thảo luận.



Chất lượng giáo dục

- Chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế của OECD (PISA)
(<http://www.oecd.org/pisa/>)
 - Kiểm tra định kỳ mẫu học sinh trung học cơ sở ở OECD và các nước khác.
 - Không phải chỉ báo hoàn hảo, vẫn giúp các nước định chuẩn thành quả so chuẩn quốc tế.



PISA 2012

Nước	Reading	Mathematics	Science literacy
Thailand	441	427	444
Vietnam	508	511	528
Malaysia	398	421	420
Singapore	542	573	551
South Korea	536	554	538
USA	498	481	497
OECD	496	494	501

Nguồn: Tổng hợp từ PISA 2012

Tài năng và điểm số



24-10-2008
Tuoitre Online

- "Ở Nhật Bản, trước khi bạn trở thành một kiến trúc sư về cảnh quan thì từ thời tiểu học người ta đã khẳng định bạn có óc thẩm mỹ về màu sắc, hình khối, và dạng thể. Nếu ở những bậc học cao hơn, bạn vẫn thể hiện những tố chất ấy, khi đó, bạn có thể trở thành nhà điêu khắc, họa sĩ, kiến trúc sư, nghệ nhân cảnh quan, hoặc người trang trí nội thất. Còn ở Singapore, chúng ta chọn người tùy vào điểm thi các môn toán, khoa học, ngôn ngữ... ở bậc trung học, hoặc dự bị đại học, mà chẳng cần biết họ có năng khiếu gì về thẩm mỹ không. Chúng ta gặp vấn đề về mặt kiến trúc. Chúng ta có những tòa nhà rập khuôn. Tôi tự hỏi vì sao. Vì chúng ta đào tạo hoặc sử dụng những người có điểm số cao về các môn kỹ thuật".

Môn học – liên kết tiếp cận giáo dục và thành quả kinh tế

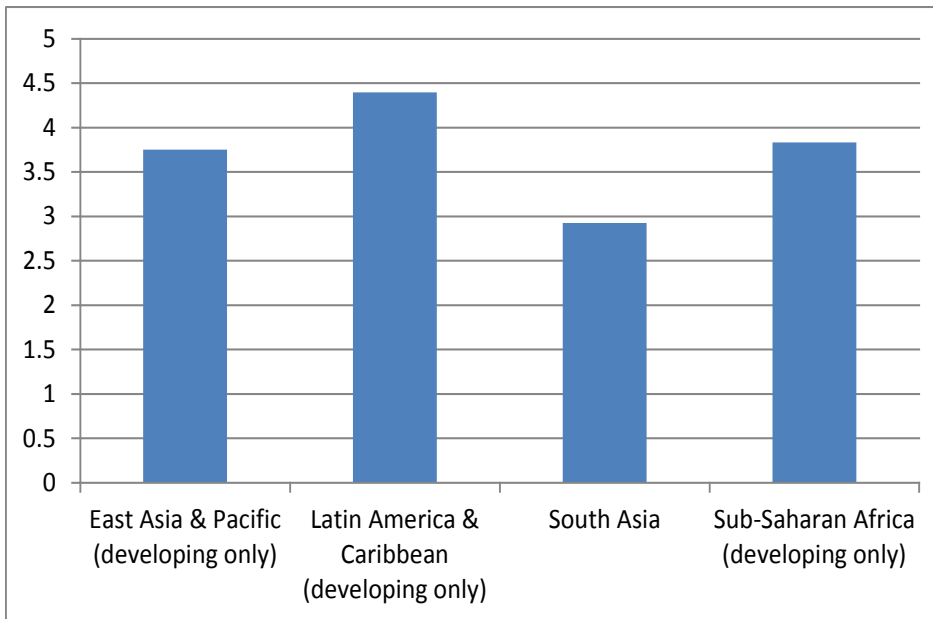
- Tỷ lệ sinh viên học các môn *khoa học, công nghệ, kỹ thuật* và *toán (STEM)* cao hơn được cho là sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hơn là các ngành khoa học xã hội và nhân văn.
- Đông Á khuyến khích sinh viên học các ngành STEM, Trung Quốc đang theo kinh nghiệm này.

Chi tiêu cho giáo dục

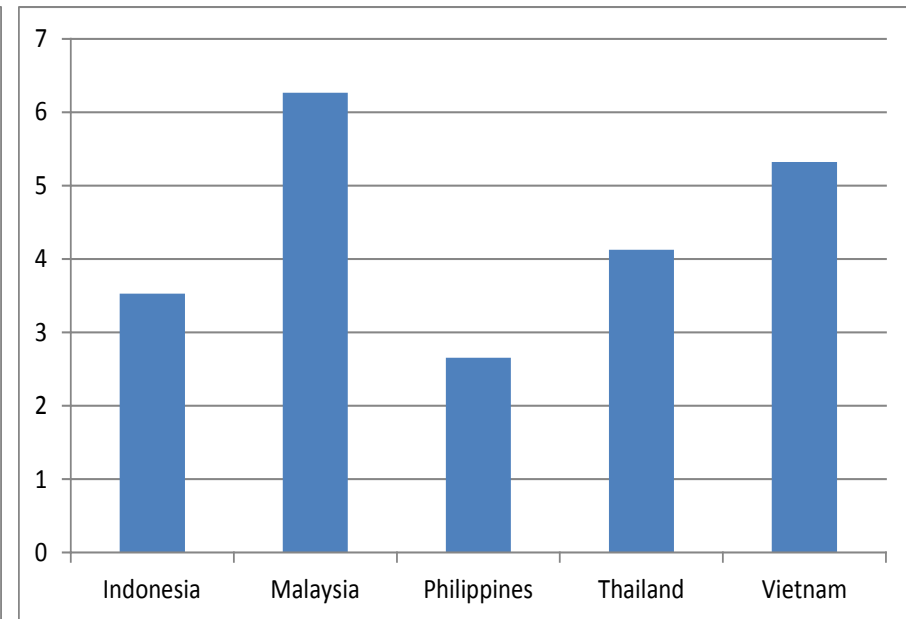
- Vai trò giáo dục tiểu học
 - Chi tiêu thấp cho giáo dục tiểu học là đánh mất cơ hội, vì suất sinh lợi xã hội đối với giáo dục cơ bản là cao.
- Biết đọc và tính toán cơ bản:
 - Tăng năng suất,
 - Giúp nông dân dễ áp dụng công nghệ mới,
 - Tỷ lệ sinh thấp, sức khỏe trẻ em và sinh sản tốt hơn.
 - Chuyển tiếp sang thể hệ tương lai, vì có mối liên kết giữa trình độ của mẹ và trẻ.

Chi tiêu công cho giáo dục (% GDP)

Theo khu vực (2007)



Đông Nam Á (2008)



- Không khác nhiều ở cấp độ khu vực, nhưng khác biệt đáng kể ở cấp độ quốc gia.
- DNA: Philippines và Indonesia chỉ ít hơn các nước khác.

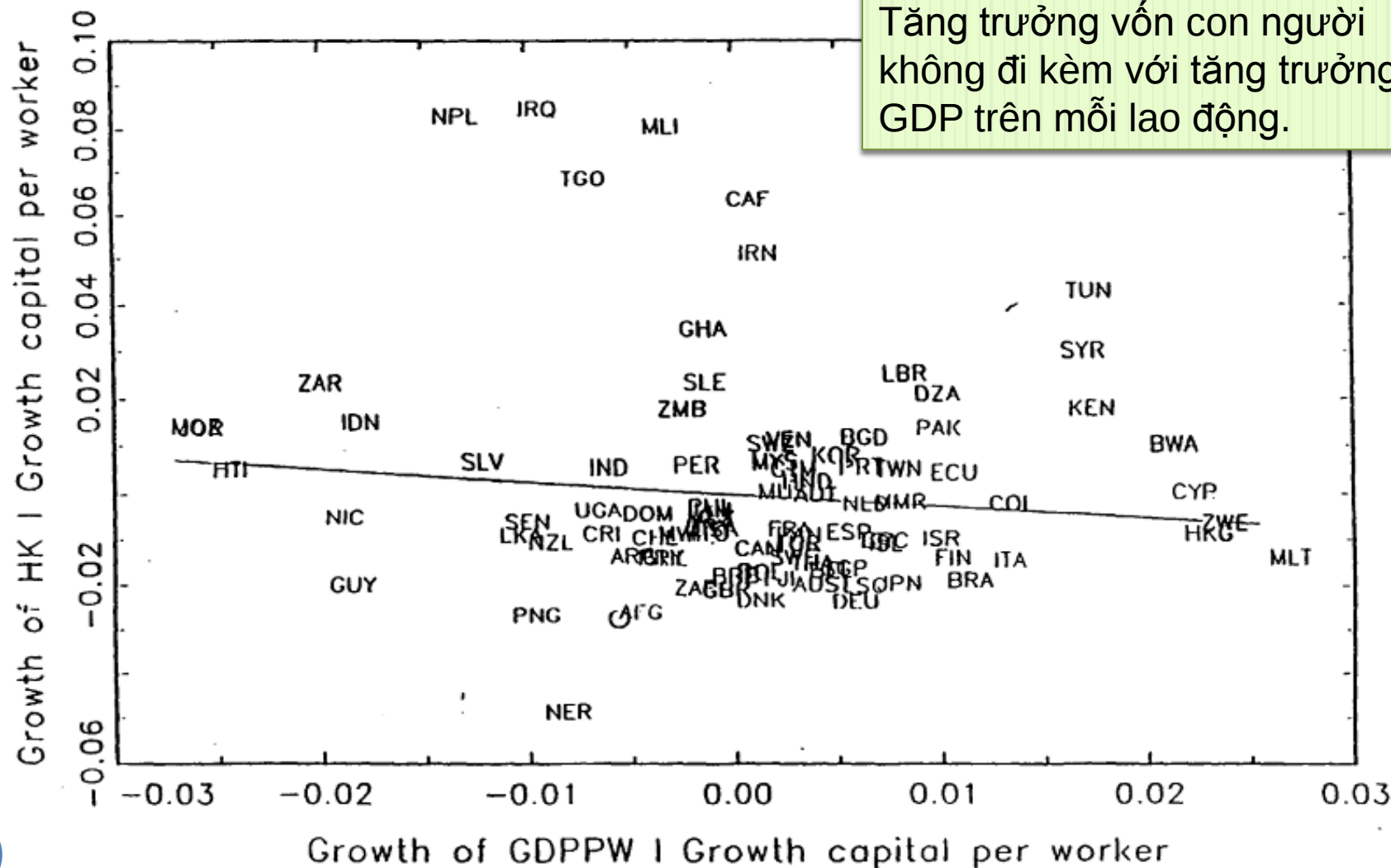
Mankiw, Romer và Weil (1992)

- Vốn con người chiếm phần lớn số dư Solow.
- Sử dụng tỷ lệ ghi danh như là thước đo hình thành vốn con người.
- Nhưng tỷ lệ ghi danh không đo lường hết tăng trưởng vốn con người:
 - Vốn con người theo thời gian sẽ mất đi vì người lao động rời khỏi lực lượng lao động.
 - Vấn đề không phải số trẻ đi học, mà là lực lượng lao động có bổ sung thêm trình độ kỹ năng không.

Nhiều quốc gia cải thiện nhanh tỷ lệ ghi danh học các cấp nhưng vẫn không thể tăng trưởng nhanh hơn. Trong các môi trường kinh tế xấu, đi học – cũng như các hoạt động đầu tư khác - sẽ trở nên phí phạm. Vì sao vậy?

Lant Pritchett 1996: tăng trưởng GDP bình quân đầu người và vốn con người

Tăng trưởng vốn con người không đi kèm với tăng trưởng GDP trên mỗi lao động.



Lant Pritchett: Tại sao tăng trưởng vốn con người không đi kèm tăng trưởng kinh tế ở cấp độ vĩ mô?

- Tăng lương nhưng không phải tăng trưởng.
 - Chủ lao động sử dụng tín hiệu vốn con người, trả lương cao hơn cho lao động có trình độ cao hơn, nhưng không chắc cố gắng suất hơn.
- Vốn con người chỉ đóng góp vào tăng trưởng khi có cầu lao động kỹ năng.
 - Mô hình Solow - phía cung: Quy luật Say có tác dụng và lực lượng lao động là toàn dụng. Đây là một giả định không thực tế, và chúng ta đã thấy một số nước có trình độ giáo dục cao nhưng tỷ lệ thất nghiệp của sinh viên tốt nghiệp cũng rất cao.
 - Giáo dục không là yếu tố duy nhất tăng năng suất. Tỷ lệ đầu tư vốn thấp, đầu tư vốn không hiệu quả, sẽ phá kết nối giáo dục và tăng trưởng.
- Một số người sử dụng kỹ năng từ giáo dục để tham gia hoạt động bất lợi về mặt kinh tế và xã hội (trục lợi, tham nhũng).
 - Ở một số nước, làm ăn qua các mối quan hệ chính trị thì dễ hơn là cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài ra

- Cầu vốn con người không đủ lớn do tăng trưởng kinh tế thấp
- Người có kỹ năng và trình độ học vấn cao hơn nhưng hưởng lương gần như ngang bằng người khác (bình đẳng tương đối về thu nhập)
- Chất lượng giáo dục thấp hoặc kiến thức và kỹ năng ở trường không đáp ứng yêu cầu thị trường

24.000 tiến sĩ Việt Nam đang làm gì?

Theo Bộ GD-ĐT, đến năm 2013 có 633 tiến sĩ là giảng viên các trường cao đẳng, 8.519 tiến sĩ là giảng viên các trường đại học.

Việt Nam có khoảng 24.300 tiến sĩ. Vậy 15.000 tiến sĩ đang làm việc ở đâu?

<http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/164238/24000-tien-si-viet-nam-dang-lam-gi.html>

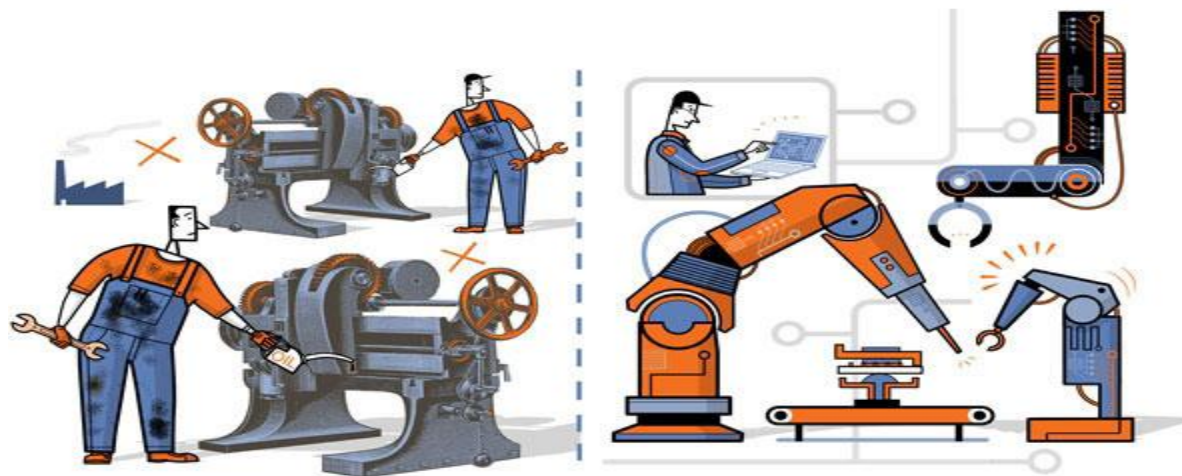
Hơn 72.000 cử nhân, thạc sĩ thất nghiệp

Theo Bộ LĐ-TB&XH, 2013 tỷ lệ thất nghiệp ở nhóm có trình độ chuyên môn cao là hơn 54%, còn nhóm không có trình độ chỉ là gần 40%.

<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/hon-72-000-cu-nhan-thac-si-that-nghiep-2966881.htm>

và • Để tạo hiệu suất kinh tế, giáo dục phải đáp ứng nhu cầu thường xuyên thay đổi của thị trường lao động:

- Các nước chuyển đổi cần nhiều sinh viên kinh tế và quản trị kinh doanh.
- Cuộc cách mạng thông tin: cần sinh viên kỹ năng máy tính.
- Toàn cầu hóa đòi hỏi ngoại ngữ.
- Chuỗi giá trị toàn cầu TK21 yêu cầu *đa kỹ năng*.



Và

- Quan trọng hơn hết: năng lực học, tính linh hoạt và khả năng học hỏi lâu dài.

Bob Baulch (2014): Do extra classes improve cognitive test scores? Evidence from Vietnam

- Bằng chứng về tác động của việc học thêm đối với khả năng nhận thức của trẻ em cấp I và II.
- 3000 trẻ em ở 34 xã trên 20 địa điểm nghiên cứu tại các tỉnh Bến Tre, Đà Nẵng, Hưng Yên, Lào cai, và Phú Yên, kiểm tra về
 - Khả năng toán học bằng bộ câu hỏi TIMSS (Trends in International Mathematics and Science Study) của Hiệp Hội Quốc Tế về Đánh Giá Thành Quả Giáo Dục.
 - Khả năng tiếp thu từ vựng từ bài kiểm tra Peabody Picture Vocabulary Test của Tập Đoàn Giáo Dục Pearson.
- Không tìm thấy mối quan hệ nhân quả nào giữa việc học thêm và điểm số của học sinh qua hai bài kiểm tra chuẩn quốc tế ở trên. Tuy nhiên, nghiên cứu phát hiện ra rằng đi học thêm làm tăng xác suất mà các em đạt được danh hiệu học sinh giỏi ở trên lớp học chính.